

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 14/04/2022

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Quân

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lưu Đình Tâm

2. Bà Trần Thị Dân

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thắm – Thư ký Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hoá.

Ngày 14 tháng 04 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 09/2022/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 01 năm 2022 về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 03 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Bùi Văn H; Sinh năm: 1989

- *Bị đơn:* Chị Quách Thị T; Sinh năm: 1990

Cùng địa chỉ: Thôn BS, xã TS, huyện T, Thanh Hóa

Tại phiên tòa anh H và chị T đều vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn yêu cầu đề ngày 31/12/2021, đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án anh Bùi Văn H và chị Quách Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Anh chị kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 22/12/2009 tại Ủy ban nhân dân (Viết tắt là UBND) xã TS, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Sau ngày cưới, vợ chồng hòa thuận được 5 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai bên không tin tưởng, tình cảm vợ chồng không hòa hợp, vợ chồng thường to tiếng với nhau. Thời gian kéo dài khiến cho anh chị cảm thấy vô cùng mệt mỏi và chán nản, tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách. Vợ chồng đã cố gắng chịu đựng vì con nhưng đến nay vợ chồng không thể chịu đựng được hơn nữa. Vợ chồng không ai quan tâm đến ai nữa, gia đình hai bên đã khuyên giải nhưng không được, vợ chồng đã ly thân từ năm 2017 đến nay. Nay anh chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên yêu cầu Tòa án nhân dân huyện T giải quyết cho anh, chị được ly hôn.

Về con chung: Anh H và chị T thống nhất vợ chồng có hai con chung là cháu Bùi Trọng K, sinh ngày 02/07/2010 và cháu Bùi Huy TH, sinh ngày 17/12/2013. Ly

hôn, anh H đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng hai con và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung. Tại bản tự khai ngày 21/01/2022 chị T không tranh rành nuôi con với anh H và đồng ý không phải cấp dưỡng tiền nuôi con như anh H yêu cầu.

Về tài sản, công nợ chung: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án anh H và chị T không đề nghị tòa án tiến hành hòa giải nên tòa án không tiến hành hòa giải theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa cả anh H và chị T đều có đơn xét xử vắng mặt. Tòa án không nhận được ý kiến bổ sung nào khác những ý kiến trình bày trong quá trình giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đây là án tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn do các đương sự yêu cầu. Tòa án đã triệu tập H lệ các đương sự lên giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật nhưng các bên đều có đơn đề nghị tòa án giải quyết vắng mặt vì vậy căn cứ Điều 228 BLTTDS tòa án đã xét xử vắng mặt đối với các bên đương sự.

[2]. Về hôn nhân: Anh Bùi Văn H và chị Quách Thị T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 22/12/2009 tại UBND xã TS, huyện T, tỉnh Thanh Hóa và không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân H pháp và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 1 Điều 28 BLTTDS. Sau khi kết hôn, vợ chồng hoà thuận được 05 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hòa H, không cùng chung quan điểm sống, không tin tưởng nhau trong chuyện tình cảm nên dẫn đến cuộc sống vợ chồng không được hạnh phúc. Việc này, cả chị T và anh H đều thừa nhận nên không cần phải chứng minh. Tại đơn đề nghị tòa án xét xử vắng mặt chị T và anh H đều yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn, chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho anh Bùi Văn H và chị Quách Thị T được ly hôn.

[3]. Về con chung: Anh Bùi Văn H và chị Quách Thị T có cháu Bùi Trọng K, sinh ngày 02/07/2010 và cháu Bùi Huy TH, sinh ngày 17/12/2013. Ly hôn, anh H đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng hai con, trong quá trình giải quyết vụ án chị T đều thống nhất giao hai con cho anh H nuôi dưỡng, chị không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Xét thấy hai cháu hiện đang sống với anh H, để việc sinh hoạt của các cháu không bị đảo lộn, phù H với nguyện vọng của anh nên HĐXX giao cháu K và cháu TH cho anh H nuôi dưỡng là phù H. Anh chị không yêu cầu cấp dưỡng tiền nuôi con chung nên không xét.

[4]. Về tài sản: Anh H và chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[5]. Về án phí: Anh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình 2014; Khoản 1 Điều 228, 147 BLTTDS; Điều 6; Khoản 1 Điều 24; Điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Về hôn nhân: Xử cho anh Bùi Văn H được ly hôn chị Quách Thị T.

2. Về con chung: Giao cháu Bùi Trọng K, sinh ngày 02/07/2010 và cháu Bùi Huy TH, sinh ngày 17/12/2013 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh H.

Chị T có quyền qua lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của người chưa thành niên, chị T và anh H có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng cho con chưa thành niên khi có điều kiện và chứng cứ H pháp

3. Về án phí: Anh Bùi Văn H phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền anh H đã nộp tạm ứng tại Chi cục Thi hành án dân sự T, theo biên lai số: AA/2021/0007558, ngày 17/01/2022. Anh H đã nộp đủ tiền án phí.

Trường H bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt chị T và anh H. Chị T và anh H có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện T;
- UBND xã TS;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Quân